



Hướng dẫn thuế thành phố bản đa ngôn ngữ (ベトナム語Tiếng Việt)

宇都宮市役所では、道路・公園をつくったり、ごみの処理、消防や救急活動などみなさんの生活を支えるため、色々な仕事をしています。これらの仕事をするには、みなさんが払う「市税」が必要です。この「市税のしおり」は、宇都宮市に住んでいる外国人のみなさんが「市税」について知り、正しく払うことができるようにわかりやすくまとめたものです。

Tại thành phố Utsunomiya rất nhiều công việc được thực hiện nhằm mục đích hỗ trợ cho đời sống người dân về các mảng như thiết bị đường xá, công viên, xử lý rác thải, phòng cháy, cấp cứu. Để tiến hành các công việc này cần khoản thuế thành phố do người dân đóng góp.

Bản hướng dẫn về thuế thành phố này được tập hợp để giúp cho những người nước ngoài đang sống tại Utsunomiya dễ dàng hiểu về thuế thành phố, từ đó có thể đóng thuế một cách chính xác.

■ 目次 Mục lục

1	市税について Khái quát về thuế thành phố	1
2	市民税・県民税 Thuế thị dân, thuế dân tỉnh	2
3	国民健康保険税 Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân	6
4	軽自動車税 Thuế xe cơ giới hạng nhẹ	8
5	固定資産税 Thuế tài sản cố định	11
6	税金は納期限までに払うことが決まりです Quy định nộp thuế khi đến hạn	11
7	市税の証明書について Về giấy chứng nhận thuế thành phố	14
8	市税納期カレンダー Lịch nộp thuế thành phố	16
9	税についての問い合わせ先 Nơi hỏi đáp tư vấn về thuế	17

1 市税について Khái quát về thuế thành phố

■ 市税は何に使われているの？

- ・ 市税とは、市に払う税金のことです。
- ・ 宇都宮市役所では、道路の整備やごみの処理のための費用などを「税金」としてみなさんから集めています。
- ・ 市に集められた「税金」は、わたしたちが安心して暮らせる社会のために使われます。

■ Thuế thành phố được dùng vào việc gì?

- ・ Thuế thành phố là tiền thuế nộp cho thành phố.
- ・ Tại Utsunomiya, đó là các khoản phí thu từ người dân nhằm mục đích xử lý rác thải, thiết bị đường xá.
- ・ Các khoản thuế thu trong thành phố này được sử dụng để đảm bảo cho mọi người dân có thể sinh sống trong một xã hội an toàn.

(安心して道を歩けるね！)

An tâm đi lại trên đường



(まちがきれい！)

Phố phường sạch sẽ



(すぐに救急車が来た！安心！)

An tâm vì xe cấp cứu tới ngay lập tức



■ もし税金がなかったらどうなるの？

Nếu không có tiền thuế



(道路に穴！危ない！)

Đường xá hỏng hóc, nguy hiểm



(ごみが回収されない！)

Rác thải không được xử



(おなかが痛い！どうしよう！)

Khi nguy cấp không biết phải làm sao



2 市民税・県民税 Thuế thị dân, thuế dân tỉnh

■ 市民税・県民税とはなんですか。

- ・市民税・県民税とは、1月1日に住んでいる市町村に払う税金です。
- ・働いている人など一定以上の収入があるときに払わなければなりません。
- ・市民税・県民税は、前の年に働いて得た収入にかかります。日本にきた初めの年はかかりません。
- ・市民税・県民税を払う必要があるか、いくら払うかは前の年の1月1日から12月31日までの収入や控除などの金額で決まります。

■ Thuế thị dân, thuế dân tỉnh là gì?

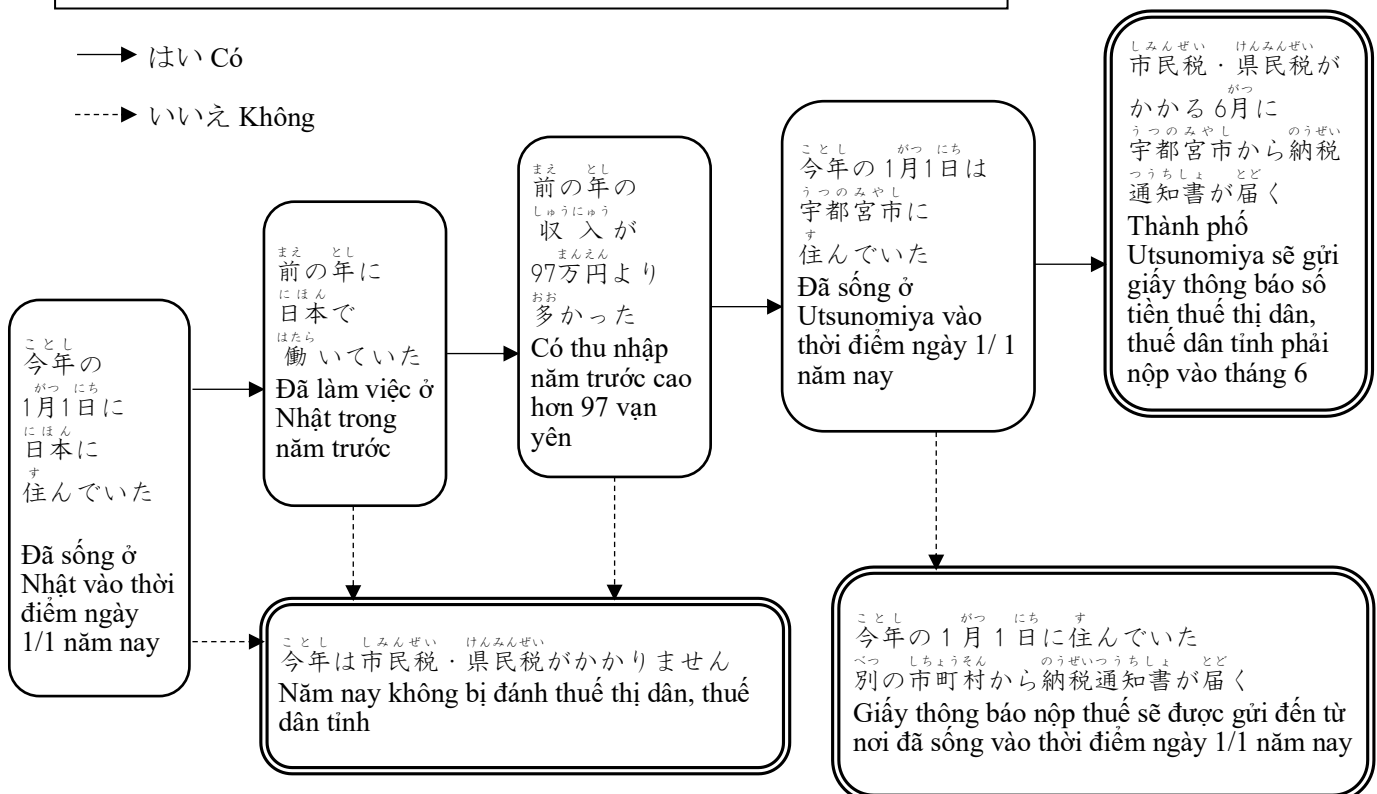
- ・ Thuế thị dân, thuế dân tỉnh là tiền thuế nộp cho thành phố, phường, thôn, nơi sinh sống vào thời điểm ngày 1 tháng 1.
- ・ Trường hợp người đi làm có thu nhập ổn định bắt buộc phải nộp thuế,
- ・ Thuế thị dân, thuế dân tỉnh được đánh vào thu nhập của năm trước. Năm đầu tiên đến Nhật không cần đóng thuế
- ・ Có phải nộp thuế thị dân, thuế dân tỉnh hay không, nộp bao nhiêu được quyết định dựa theo mức thu nhập và các khoản giảm trừ được tính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

今年の市民税・県民税がかかるかどうかチェックしてください！

Cần kiểm tra xem năm nay có bị đánh thuế thị dân, thuế dân tỉnh hay không

→ はい Có

-----> いいえ Không



■ 市民税・県民税の申告について

- ・ 1月1日に宇都宮市に住んでいた人は、毎年3月15日までに、前年の収入を宇都宮市に申告しなければなりません。
- ・ 正しく申告することで、市民税・県民税の税額が安くなる場合があります。
- ・ 在留資格の更新に必要な課税証明書や納税証明書の発行には、必ず申告が必要です。前年の収入がなかった人でも必ず申告してください。

<市民税・県民税の申告が必要ない人>

- ・ 税務署で所得税の「確定申告」をした人
- ・ その年の1月1日に日本に住んでいなかった人
- ・ 前年の1月1日から12月31日まで同じ会社から給料をもらっていた人
- ・ 申告が必要かどうかわからないときは、市民税課（17ページ）に相談してください。

■ Khai báo thuế thị dân, thuế dân tỉnh

- ・ Những người sống tại thành phố Utsunomiya vào thời điểm ngày 1 tháng 1, hàng năm cho đến ngày 15 tháng 3 cần phải khai báo thu nhập của năm trước.
- ・ Nếu khai báo thuế chính xác, số tiền thuế thị dân, thuế dân tỉnh có thể sẽ giảm đi.
- ・ Cần khai báo thuế đầy đủ nếu muốn được cấp giấy chứng nhận nộp thuế để làm gia hạn tư cách lưu trú (kể cả đối với người không có thu nhập trong năm trước).

<Người không cần khai báo thuế thị dân, thuế dân tỉnh>

- ・ Người đã khai báo cố định thuế thu nhập tại cơ quan thuế
- ・ Người không sống ở Nhật vào thời điểm ngày 1/1 của năm đó
- ・ Người không nhận lương từ cùng 1 công ty trong khoảng thời gian từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 của năm trước
- ・ Trường hợp không rõ có phải khai báo thuế hay không cần liên hệ với Phòng thuế thành phố (trang 17).

■ 市民税・県民税の払い方

- ・ 市民税・県民税の払い方は、2つあります。
 - ① 特別徴収・・・会社があなたに払う給料から事前に市民税・県民税を預かって、あなたに代わって市民税・県民税を市に払う方法です。会社から給料をもらっている人は、特別徴収で払うのが決まりです。
 - ② 普通徴収・・・宇都宮市から届く納付書（税金を払う紙）を使って自分で払います。税金を払う方法や場所は次のページを確認してください。

■ Cách nộp thuế thị dân, thuế dân tỉnh

- ・ Có 2 cách để nộp thuế thị dân, thuế dân tỉnh.
 - ① Trưng thu đặc biệt・・・ Là phương pháp công ty thay mặt cá nhân, trích trực tiếp tiền thuế thị dân, thuế dân tỉnh từ lương để trả cho thành phố. Những người nhận lương từ công ty được mặc định đóng thuế theo cách trưng thu đặc biệt này.
 - ② Trưng thu thông thường・・・ Tự mình trả khi nhận được giấy thanh toán (giấy đề nộp thuế) từ Thành phố Utsunomiya.

しみんぜい けんみんぜいのうぜいつうちしょ ふとう
市民税・県民税納税通知書（封筒）

Thư báo nộp thuế thị dân, thuế dân tỉnh (phong bì)

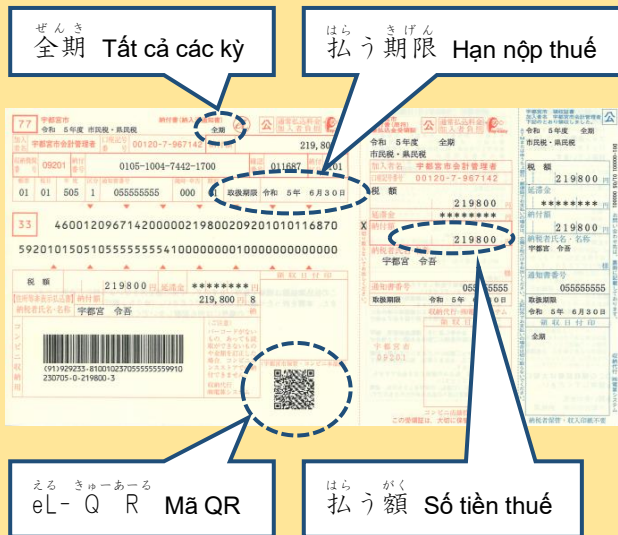


- ・会社が毎月の給料から市民税・県民税を引いていないときは、市民税・県民税納税通知書が、6月に郵便で届きます。届いたらすぐに中身を見てください。
- ・納期限（税金を払う期限）までに銀行やコンビニエンスストア、郵便局で払ってください。

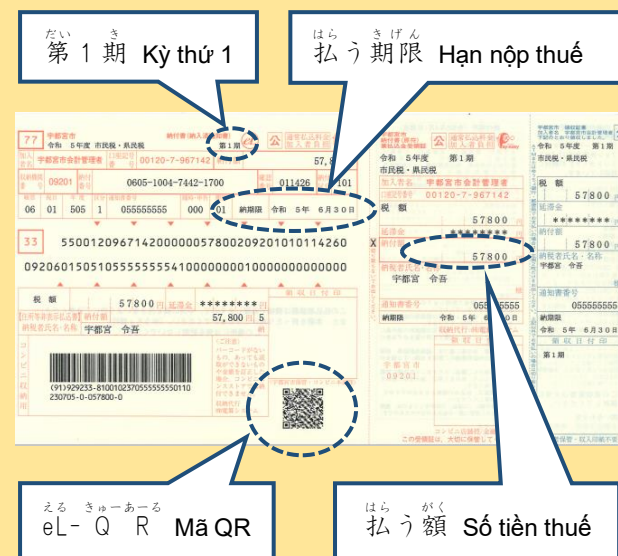
- ・ Trường hợp thuế thị dân, thuế dân tỉnh không trừ hàng tháng từ lương thì sẽ có thư báo nộp thuế thị dân, thuế dân tỉnh được gửi đến vào tháng 6 hàng năm. Khi nhận được, cần nhanh chóng xác nhận nội dung trong thư.
- ・ Cần theo thư báo đã nhận được đến ngân hàng, cửa hàng tiện lợi konbini, bưu điện nộp thuế đúng thời hạn.

ふとう なか はい 封筒の中に入っている納付書（支払用）

Giấy nộp thuế trong phong bì (dùng để thanh toán)



- ・ 納付書は「全期」「第1期」「第2期」「第3期」「第4期」の5枚入っています。
- ・ 「全期」は1年分の市民税・県民税を一度に払うためのものです。
- ・ 「第1期」～「第4期」の納付書は1年分の市民税・県民税を4回に分けて払うためのものです。
- ・ 16ページの市税納期カレンダーを見て、必ず納期限（税金を払う期限）までに払ってください。
- ・ eL-QRを読み込むことで、クレジットカードの納付や、スマートフォンアプリでの納付ができます。



- ・ Giấy nộp thuế bao gồm 5 tờ: 「Tất cả các kỳ」「Kỳ thứ 1」「Kỳ thứ 2」「Kỳ thứ 3」「Kỳ thứ 4」
- ・ 「Tất cả các kỳ」 dùng để thanh toán một lần tất cả số tiền thuế thị dân, thuế dân tỉnh trong một năm.
- ・ 「Kỳ thứ 1」～「Kỳ thứ 4」 dùng để thanh toán số tiền thuế thị dân, thuế dân tỉnh theo từng lần (1 năm chia thành 4 lần).
- ・ Xem chi tiết lịch kỳ hạn nộp thuế thành phố tại trang 16 để nộp thuế đúng hạn.
- ・ Có thể nộp thuế bằng thẻ tín dụng (credit) hoặc ứng dụng trên điện thoại thông minh thông qua mã QR.

■ 出国するときに必要な手続き

<会社に勤めている人>

- ・払ってない税金があるときは、納期限前（税金を払う期限より前）でも全額払ってから出国してください。
- ・会社があなたの給料から税金を引いて払っていたときは、会社をやめると分かった時に市民税課（17ページ）に相談してください。

<会社に勤めていない人>

- ・出国により、納付書の受け取りや税金を払うことができない人のために、「納税管理人制度」があります。納税管理人とは、あなたに代わり日本で納税通知書の受け取りや税金を払う人のことです。
- ・日本から出国するときは、事前に必ず手続きをしてから出国してください。
- ・詳しくは、市民税課（17ページ）に相談してください。

■ Thủ tục cần thiết khi xuất cảnh

<Người đang làm việc tại công ty>

- ・ Nếu vẫn còn tiền thuế chưa nộp, trường hợp chưa đến hạn nộp thuế (trước hạn nộp thuế) cũng cần phải nộp hết toàn bộ tiền thuế trước khi xuất cảnh.
- ・ Trường hợp tiền thuế được trừ trực tiếp từ lương công ty, ngay khi có ý định nghỉ việc cần liên hệ với Phòng thuế thành phố (trang 17) để trao đổi.

<Người không đi làm>

- ・ Chế độ người đại diện nộp thuế nhằm phục vụ cho những người không thể nộp thuế hoặc nhận giấy thông báo thuế khi xuất cảnh. Người đại diện nộp thuế là người thay mặt bạn nhận giấy thông báo thuế và nộp thuế tại Nhật.
- ・ Cần hoàn tất thủ tục đăng ký trước khi xuất cảnh ra khỏi Nhật Bản.
- ・ Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ với Phòng thuế thành phố (trang 17) để trao đổi.

3 国民健康保険税 Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân

■ 国民健康保険とはなんでしょうか。

- ・宇都宮市に住んでいる人は、宇都宮市で国民健康保険に入ります（社会保険など会社で健康保険に入る人は除きます）。
- ・住民登録をしていて、在留期間が3か月より長い期間日本にいる人は、社会保険などに入っている人を除いて、赤ちゃんからお年寄りまで全部の人が国民健康保険に入らなければなりません。
- ・国民健康保険に入ると、一人一枚、健康保険証がもらえます。
- ・病気やけがをしたとき、病院で健康保険証を出すと少ない金額で、病院にかかることができます。
- ・健康保険証は、使える期限があるので、注意してください。

■ Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân là gì

- ・ Những người sống tại thành phố Utsunomiya cần tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân tại thành phố Utsunomiya (ngoại trừ đối tượng đang tham gia bảo hiểm tại nơi làm việc như bảo hiểm xã hội).
- ・ Người nước ngoài có thời gian cư trú tại Nhật quá 3 tháng tính từ thời điểm đăng ký cư trú, ngoại trừ trường hợp đang tham gia bảo hiểm xã hội, còn lại tất cả mọi người từ trẻ em cho đến người cao tuổi đều phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân.
- ・ Khi tham gia bảo hiểm y tế quốc dân, mỗi người sẽ được nhận 1 thẻ bảo hiểm.
- ・ Khi bị bệnh, bị thương nếu xuất trình thẻ bảo hiểm tại bệnh viện sẽ được điều trị với mức phí thấp.
- ・ Thẻ bảo hiểm có thời hạn sử dụng, cần lưu ý.

■ 国民健康保険の保険税について

- ・ 国民健康保険に入ると、国民健康保険税を払わなければなりません。
- ・ 国民健康保険税は、前の年の1月1日から12月31日までに働いて得た収入で税額が決まります。

■ Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- ・ Những người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân phải nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân.
- ・ Số tiền thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân được tính tương ứng với thu nhập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước đó.

■ 国民健康保険税の申告について

- ・ 国民健康保険税を正しく計算するため、学生や働いていない人も所得の申告が必要です（2ページの「市民税・県民税の申告について」を見てください）。ただし、すでに所得税の確定申告や市民税・県民税の申告をした人や、職場が給与支払報告書を市民税課へ提出している人は申告の必要はありません。

■ Khai báo thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- ・ Để tính tiền thuế bảo hiểm y tế quốc dân một cách chính xác, kể cả học sinh hoặc người không đi làm cũng cần phải khai báo thu nhập (chi tiết xem trang 2 – mục khai báo thuế thị dân, thuế dân tỉnh). Tuy nhiên, với những người đã làm tờ khai thuế thu nhập, đã khai báo thuế thị dân, thuế dân tỉnh hoặc người đã được công ty nộp giấy khai báo thu nhập cho phòng thuế thì không cần phải khai báo.

■ 国民健康保険税の払い方 Cách nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân

国民健康保険税納税通知書 (封筒)

Thư báo nộp thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân (phong bì)

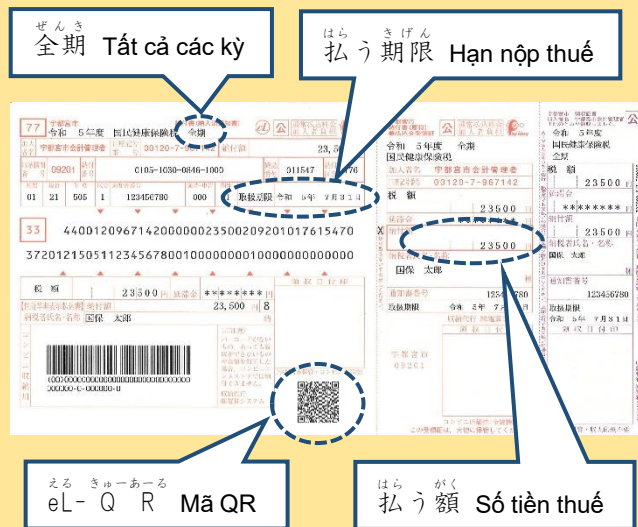


- 国民健康保険に入ると、7月に税金のお知らせ (国民健康保険税納税通知書) が届きます (新しく入った人には、入った次の月に届きます)。届いたらすぐに中身を見てください。
- 納期限 (税金を払う期限) までに銀行やコンビニエンスストア、郵便局で払ってください。

- Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân sẽ có thư báo nộp thuế được gửi đến vào tháng 7 hàng năm (Trường hợp người mới tham gia thì sẽ nhận được vào tháng tiếp theo sau khi tham gia bảo hiểm). Cần nhanh chóng xác nhận nội dung trong thư.
- Cầm theo thư báo đã nhận được đến ngân hàng, cửa hàng tiện lợi konbini, bưu điện nộp thuế đúng thời hạn.

封筒の中に入っている納付書 (支払用)

Giấy nộp thuế trong phong bì (dùng để thanh toán)



- 納付書は「全期」と「第1期」から「第8期」までの9枚入っています。
- 「第1期」～「第8期」の納付書は1年分の国民健康保険税を8回に分けて払うためのものです。
- 16ページの市税納期カレンダーを見て、必ず納期限 (税金を払う期限) までに払ってください。
- eL-Q-Rを読み込むことで、クレジットカードの納付や、スマートフォンアプリでの納付ができます。

- Giấy nộp thuế bao gồm 9 tờ: 「Tất cả các kỳ」 và 「Kỳ thứ 1」 đến 「Kỳ thứ 8」
- Tiền thuế bảo hiểm y tế quốc dân của 1 năm được chia làm 8 lần nộp tương ứng với giấy nộp thuế từ 「Kỳ thứ 1」 đến 「Kỳ thứ 8」.
- Xem chi tiết lịch kỳ hạn nộp thuế thành phố tại trang 16 để nộp thuế đúng hạn.
- Có thể nộp thuế bằng thẻ tín dụng (credit) hoặc ứng dụng trên điện thoại thông minh thông qua mã QR.

4 軽自動車税 Thuế xe cơ giới hạng nhẹ

■ 軽自動車税とはなんですか。

- ・ 4月1日現在にバイクや軽自動車（排気量660 cc以下）などを持っている人が払う税金です。
- ・ 4月2日より後に廃車・名義変更をしたときでも、1年分の軽自動車税の全額を払う必要があります。
- ・ 軽自動車税の税額は、車の種類によって違います。詳しくは、税制課（17ページ）に連絡してください。

■ Thuế xe cơ giới hạng nhẹ là gì

- ・ Vào thời điểm ngày 1 tháng 4 hàng năm những người sở hữu xe cơ giới hạng nhẹ như xe gắn máy (lượng khí thải dưới 660cc) cần phải nộp thuế.
- ・ Trường hợp bỏ xe, thay đổi tên sau ngày 2 tháng 4 cũng cần phải nộp toàn bộ phần thuế xe cơ hạng nhẹ của một năm.
- ・ Tùy thuộc vào từng loại xe mà số tiền thuế phải nộp khác nhau. Liên lạc với phòng thuế (thông tin trang 17.) để biết chi tiết.

■ 軽自動車税の申告について

- ・ 軽自動車を廃車するとき、人にあげるとき、売るとき、転出するとき、盗まれたときには、下の表のとおり必ず申告してください。
- ・ 申告をしないと、いつまでも軽自動車税がかかります。

■ Khai báo

- ・ Khi làm thủ tục bỏ xe, cho tặng người khác, bán, chuyển đi hoặc bị mất cắp xe, nhất thiết phải khai báo đến các cơ quan theo bảng dưới đây.
- ・ Nếu không khai báo thì sẽ luôn phải chịu thuế xe cơ giới hạng nhẹ.

車の種類 くるま しゅるい Chủng loại xe	申告する場所 しんこく ばしょ Nơi khai báo
原動機付自転車 (125 cc 以下) Xe gắn máy nhỏ dưới 125cc 小型特殊自動車 (トラクターなど) Xe cơ giới đặc chủng loại nhỏ, như máy cày 特定小型原動機付自転車 (電動キックボードなど) Xe đạp có gắn động cơ đặc chủng loại nhỏ (như xe kickboard điện)	宇都宮市役所 税制課 (2階C7窓口) Tầng 2, cửa C7, Phòng thuế, Tòa thị chính Utsunomiya 宇都宮市 旭 1-1-5 1-1-5 Asahi, Utsunomiya-shi ☎028-632-2205
軽自動車 (軽四輪・軽三輪) Xe cơ giới hạng nhẹ (xe 4 bánh, 3 bánh)	軽自動車検査協会 栃木事務所 Hiệp hội kiểm định xe cơ giới hạng nhẹ - Văn phòng Tochigi 宇都宮市西川田本町 1-2-37 1-2-37 Nishikawata Honchou, Utsunomiya-shi ☎050-3816-3107
二輪の軽自動車 Xe cơ giới hạng nhẹ 2 bánh 二輪の小型自動車 Xe cơ giới nhỏ 2 bánh	関東運輸局 栃木運輸支局 Cục vận tải Kanto – Chi cục vận tải Tochigi 宇都宮市八千代 1-14-8 1-14-8 Yachiyo, Utsunomiya-shi ☎050-5540-2019

■ **自動車税とはなんですか。**

- ・排気量660 ccを超える自動車には自動車税がかかります。
- ・自動車税については、自動車税事務所 (☎028-658-5521) に聞いてください。

■ **Thuế xe cơ giới**

- ・Xe cơ giới có lượng khí thải vượt quá 660cc cần phải nộp thuế xe cơ giới.
- ・Liên hệ Văn phòng thuế xe cơ giới (☎028-658-5521) để biết thông tin chi tiết.

■ 軽自動車税の払い方 Cách nộp thuế xe cơ giới hạng nhẹ

軽自動車税納税通知書（封筒）

Thư báo nộp thuế xe cơ giới hạng nhẹ (phong bì)

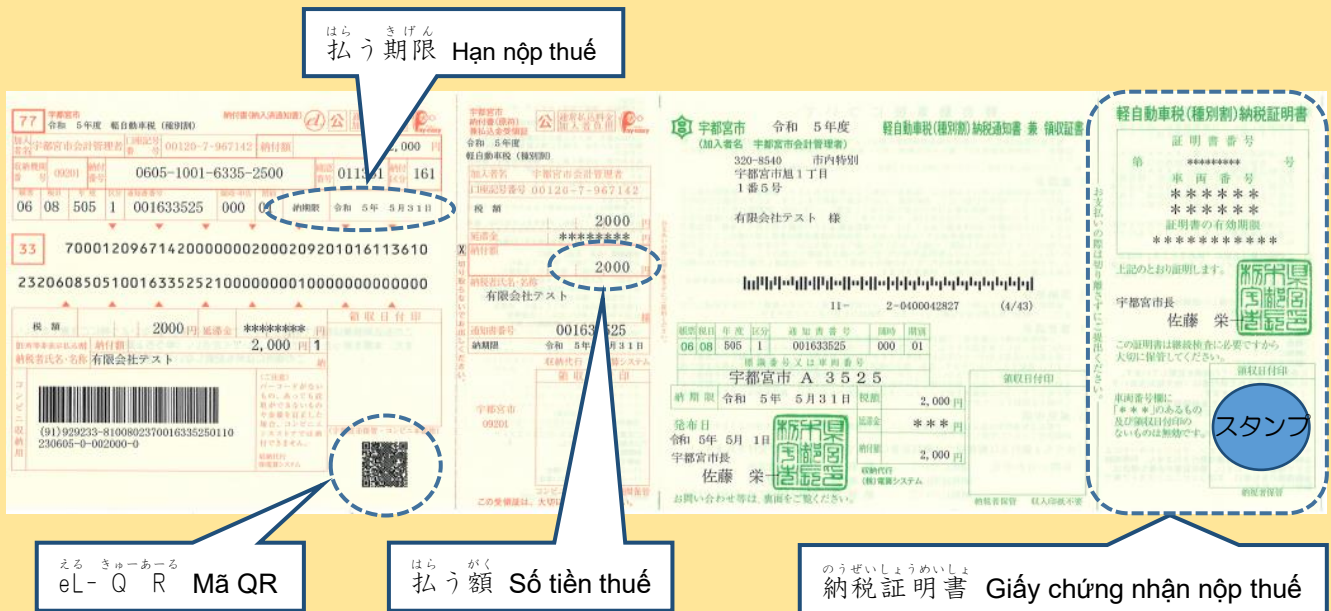


・軽自動車税の納税通知書は、毎年5月の初めに届きます。届いたらすぐに中身を見てください。

・Thư báo nộp thuế xe cơ giới hạng nhẹ sẽ được gửi đến vào đầu tháng 5 hàng năm. Khi nhận được, cần nhanh chóng xác nhận nội dung trong thư.

封筒の中に入っている納付書（支払用）・納税証明書（車検用）

Giấy nộp thuế trong phong bì (dùng để thanh toán), Giấy chứng nhận nộp thuế (dùng cho bảo hiểm xe)



・納付書を銀行やコンビニエンスストア、郵便局に持っていき、納期限（税金を払う期限）までに必ず払ってください。

・軽自動車や二輪の小型自動車（排気量250ccを超えるバイク）には、車検があります。車検を受けるときには、納税証明書が必要な場合があります。納税証明書は、納付書に付いていて、税金を払うと、スタンプを押してもらえます。それを車検のときに持って行ってください。

- ・Cầm theo thư báo đã nhận được đến ngân hàng, cửa hàng tiện lợi konbini, bưu điện nộp thuế đúng thời hạn.
- ・Xe cơ giới hạng nhẹ, xe 2 bánh dạng nhỏ (xe gắn máy có lượng khí thải không vượt quá 250cc) cần tham gia kiểm tra xe. Có trường hợp sẽ cần đến giấy chứng nhận nộp thuế. Giấy chứng nhận nộp thuế được đính kèm trên phiếu nộp thuế, khi nộp thuế sẽ nhận được một con dấu. Cần mang theo giấy này khi đi kiểm tra xe.

5 固定資産税 Thuế tài sản cố định

■ 固定資産税とはなんですか。

- ・ 1月1日に宇都宮市にある土地や建物（固定資産）を持っている人が払う税金です。
- ・ 持っている固定資産の価格をもとに税額が決まります。詳しくは、資産税課（17ページ）に連絡してください。

■ Thuế tài sản cố định là gì

- ・ Là khoản tiền thuế được nộp do người sở hữu đất hoặc nhà, công trình xây dựng tại thành phố Utsunomiya vào thời điểm ngày 1 tháng 1 hàng năm.
- ・ Tiền thuế được quyết định dựa trên giá trị của tài sản cố định. Chi tiết liên hệ với Phòng thuế tài sản (thông tin tại trang 17).

6 税金は納期限までに払うことが 決まります Quy định nộp thuế khi đến hạn

■ 税金を払ってください

- ・ 税金は納期限（納付書に書いてある税金を払う日）までに払わなければいけません。
- ・ 税金は種類によって納期限が違います。
詳しくは、16ページの市税納期カレンダーを見てください。

■ Phải nộp thuế.

- ・ Cần phải nộp thuế đúng hạn quy định.
- ・ Tùy thuộc vào từng loại thuế có thời hạn nộp thuế khác nhau.
Chi tiết xem trong lịch nộp thuế của thành phố tại trang 16.

■ 税金を払う方法

<納付書を使って払うとき>

- 届いた納付書を持って、コンビニエンスストア、郵便局、銀行、納税課の窓口で払ってください。

<口座振替で払うとき>

- 銀行口座を持っている人は、「口座振替」(税金を払う日に登録した銀行口座から自動的に税金を払うようにすること)で払うことができます。納付書で払わないので、とても便利です。手続きは、納税課や銀行、郵便局の窓口でできます。

<クレジットカードで払うとき>

- 地方税お支払サイトで手続きをすると、VISA、Master Card、J C B、American Express、Diners Clubのクレジットカードを使っていつでも税金を払うことができます。手数料がかかります。
- 金融機関、市役所、コンビニ等の窓口では、クレジットカードを使って払うことができません。

<スマートフォンアプリで払うとき>

- 納付書に書いてあるバーコードやQRをスマートフォンのカメラで読んで払うことができます。
- PayPay、LINE Pay、PayB、楽天銀行アプリ、銀行Pay、aupay、d払い、J-coin、Famipayなどが使えます。
- スマートフォンアプリを使って払うと、領収証書は発行できません。

■ Cách nộp thuế.

< Thanh toán giấy nộp thuế >

- Cầm theo giấy nộp thuế đến ngân hàng, cửa hàng tiện lợi konbini, bưu điện, Cửa tiếp dân của Phòng thuế để nộp thuế.

< Thanh toán bằng cách chuyển khoản >

- Người có tài khoản ngân hàng có thể thanh toán bằng cách chuyển khoản (vào ngày nộp thuế, tiền thuế được chuyển từ tài khoản đã đăng ký đến tài khoản đích). Cách này không cần đến giấy thanh toán, rất tiện lợi. Có thể đăng ký tại Phòng thuế, ngân hàng hoặc bưu điện.

< Thanh toán bằng thẻ tín dụng (thẻ credit) >

- Khi làm thủ tục trên trang thanh toán thuế của địa phương, có thể dùng thẻ credit của VISA, Master, JCB, American Express, Diners Club để thanh toán tiền thuế. Cách này sẽ tốn lệ phí.
- Không thể dùng thẻ credit để trả tiền thuế tại các Tổ chức tài chính, Tòa thị chính và konbini.

< Thanh toán bằng ứng dụng điện thoại thông minh >

- Có thể thanh toán bằng cách dùng camera của điện thoại thông minh để đọc mã barcode hoặc mã QR có trên giấy nộp thuế.
- Ứng dụng khả dụng: PayPay, LINE Pay, PayB, ứng dụng Rakuten, BankPay, aupay, D-Pay, J-coin, Famipay.
- Không thể phát hành biên lai khi thanh toán bằng ứng dụng điện thoại thông minh.

■ 納付書を失くしたとき

- 税金を払うために必要な納付書を失くしたときは、納付書を作り直します。
納税課 (17ページ) に連絡してください。

■ Trường hợp mất giấy nộp thuế

- Trường hợp mất giấy nộp thuế có thể được cấp lại. Liên lạc với Phòng thuế (trang 17) để được hướng dẫn.

■ 税金を期限までに払わなかったとき

- 税金を期限までに払わないことを「滞納」といいます。
- 滞納すると、宇都宮市役所から督促状 (税金をすぐに払ってください) とお知らせする手紙 (てがみ) が届きます。
- 滞納すると、税金のほかに延滞金がかかることがあります。
- 納税課に連絡をしないで、税金を納期限 (税金を払う期限) までに払わないと、あなたの財産 (給料・預貯金など) を差し押えます。

■ Trường hợp không nộp thuế khi tới hạn.

- Không nộp thuế khi tới hạn được gọi là quá hạn (滞納).
- Trường hợp tới hạn mà vẫn không nộp thuế sẽ có thư nhắc nhở (yêu cầu nộp thuế ngay) được gửi đến.
- Nếu tới hạn mà vẫn không nộp thuế có thể sẽ phải nộp thêm tiền phạt nộp chậm.
- Trường hợp tới hạn không nộp thuế mà không liên lạc với Phòng thuế, tiền thuế có thể sẽ được trừ từ tài sản của người nộp (tiền lương, tiền tiết kiệm)

■ 税金を納期限までに払うことができないとき

- どうしても税金を納期限までに払うことができないときは、必ず納税課に連絡してください。

■ Trường hợp không thể nộp thuế đúng hạn quy định.

- Trường hợp không thể nộp thuế đúng hạn quy định cần liên lạc với Phòng thuế để được hướng dẫn.

相談窓口 Cửa tiếp nhận thông tin trao đổi

宇都宮市役所 納税課 (2階 C9・C10窓口)

宇都宮市旭 1-1-5 ☎ 028-632-2194 (窓口は平日の 8:30~19:00 まで開いています。)

Phòng thuế Tòa thị chính Utsunomiya (Tầng 2, Cửa C9, C10)

1-1-5 Asahi, Utsunomiya-shi ☎ 028-632-2194 (Mở cửa từ 8:30 – 19:00 các ngày thường)

し ぜ い し ょ う め い し ょ 7 市税の証明書について Về giấy chứng nhận thuế thành phố

■ 課税証明書・納税証明書

- ・課税証明書や納税証明書は、1年間に払った税金やすでに払った税金の額を証明するもので、在留資格の更新のときに出入国在留管理庁に提出します。
- ・市税の証明書をもらうためには、市民税・県民税の申告が必要です。前の年に収入がない人でも、必ず申告してください。

■ Giấy chứng nhận tiền thuế, Giấy chứng nhận nộp thuế

- ・Giấy chứng nhận tiền thuế, Giấy chứng nhận nộp thuế là giấy tờ chứng minh số tiền thuế phải nộp hoặc đã nộp trong vòng 1 năm, cần phải nộp cho Cục quản lý cư trú xuất nhập cảnh khi gia hạn visa, thị thực.
- ・Để nhận được giấy chứng nhận thuế, nhất thiết phải khai báo thuế thị dân, thuế dân tỉnh (kể cả người không có thu nhập trong năm trước).

< 証明書を発行しているところ >

宇都宮市の市税の証明書は、下に書いてある窓口で発行しています。

- 市役所2階C8税制課窓口（時間は平日の8：30～19：00です。）
- 各地区市民センター、出張所窓口（時間は平日の8：30～17：15です。）
- ※ パンパ出張所窓口は、平日の10：00～19：00です。

マイナンバーカードを使って、コンビニエンスストアで「所得証明書」と「課税証明書」をとることができます。

- 利用できる場所は、セブンイレブン、ローソン、ファミリーマート、ミニストップなどです。
- 証明書は、本人のもので最新年度分のみです。
- 「児童手当用証明書」は、コンビニでは取れません。
- 申告がない人など、コンビニエンスストアで税証明書を取れない場合があります。
- 証明書を誤って取った場合は、返金できません。

(注意)

課税証明書や納税証明書を発行しているのは、その年の1月1日に住所があった市町村です。

今、宇都宮市に住んでいても、1月1日に別の市区町村に住んでいたなら、宇都宮市では証明書の発行はできません。

< Nơi cấp phát giấy chứng nhận >

Giấy chứng nhận được cấp phát tại các cửa dưới đây.

- Cửa C8 tầng 2, Phòng thuế Tòa thị chính Utsunomiya (Mở cửa 8:30 – 19:00 các ngày thường).
- Cửa tiếp dân của Trung tâm thị dân các khu vực, Văn phòng hành chính địa phương (Mở cửa 8:30 – 17:15 các ngày thường).

※ Cửa tiếp dân Văn phòng hành chính Banba mở cửa từ 10:00 – 19:00 các ngày thường.

■ Có thể dùng thẻ my number để in “Giấy chứng nhận thuế”, “Giấy chứng nhận thu nhập” tại cửa hàng tiện lợi (konbini).

- Nơi khả dụng: Seven eleven, Lawson, FamilyMart, Ministop.
- Giấy chứng nhận chỉ có thể cấp cho chính chủ, xác nhận phần thuế của năm gần nhất.
- “Giấy chứng nhận trợ cấp con nhỏ” không thể in tại konbini.
- Đối với người không khai báo có thể gặp trường hợp không thể nhận Giấy chứng nhận thuế tại konbini.
- Không thể hoàn tiền với trường hợp lấy nhầm Giấy chứng nhận.

(Chú ý) Nơi cấp phát Giấy chứng nhận tiền thuế, Giấy chứng nhận nộp thuế là thành phố, phường, thôn nơi đăng ký địa chỉ vào thời điểm ngày 1 tháng 1 trong năm. Hiện tại đang sống tại Utsunomiya, tuy nhiên thời điểm ngày 1 tháng 1 sống ở nơi khác thì thành phố Utsunomiya không thể cấp giấy chứng nhận.

< 証明書を取るときに必要なもの >

自分の証明書が欲しいときは下に書いてある2つのものを持ってきてください。

【窓口】

① 本人確認書類 (在留カードやパスポート)

② 現金300円 (1通)

【コンビニエンスストア】

① マイナンバーカード

② 現金200円 (1通)

< Các vật cần thiết để cấp giấy chứng nhận >

Khi muốn được cấp giấy chứng nhận cần chuẩn bị 2 vật sau và mang theo để yêu cầu cấp:

【Trường hợp đến trực tiếp cửa tiếp nhận】

- ① Giấy tờ tùy thân (thẻ lưu trú hoặc hộ chiếu)
- ② 300 yên tiền mặt (1 bản)

【Trường hợp làm tại cửa hàng tiện lợi konbini】

- ① Thẻ cứng my number
- ② 200 yên tiền mặt (1 bản)

しぜいのうきかれんだー 8 市税納期カレンダー

Lịch nộp thuế thành phố

※ のうきげん 納期限 (ぜいきん 税金を払う期限) はそれぞれの月の最後の日です。

※ Hạn nộp đến ngày cuối cùng của các tháng

つき Tháng	しみんぜい けんみんぜい 市 民 税 ・ 県 民 税 Thuế thị dân, thuế dân tỉnh	こくみんけんこうほけんぜい 国 民 健 康 保 険 税 Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân	けいじどうしゃぜい 軽自動車税 Thuế xe cơ giới hạng nhẹ	こていしさんぜい 固 定 資 産 税 Thuế tài sản cố định
4 月 Tháng 4				だい き 第 1 期 Kỳ thứ 1
5 月 Tháng 5			ぜんきぶん 全 期 分 Tất cả các kỳ	
6 月 Tháng 6	だい き 第 1 期 Kỳ thứ 1			
7 月 Tháng 7		だい き 第 1 期 Kỳ thứ 1		だい き 第 2 期 Kỳ thứ 2
8 月 Tháng 8	だい き 第 2 期 Kỳ thứ 2	だい き 第 2 期 Kỳ thứ 2		
9 月 Tháng 9		だい き 第 3 期 Kỳ thứ 3		
10 月 Tháng 10	だい き 第 3 期 Kỳ thứ 3	だい き 第 4 期 Kỳ thứ 4		
11 月 Tháng 11		だい き 第 5 期 Kỳ thứ 5		
12 月 Tháng 12		だい き 第 6 期 Kỳ thứ 6		第 3 期 Kỳ thứ 3
1 月 Tháng 1	だい き 第 4 期 Kỳ thứ 4	だい き 第 7 期 Kỳ thứ 7		
2 月 Tháng 2		だい き 第 8 期 Kỳ thứ 8		第 4 期 Kỳ thứ 4

9 税についての問い合わせ先

Nơi hỏi đáp tư vấn về thuế

内容 Nội dung	問い合わせ先 Nơi hỏi đáp tư vấn	電話 Số điện thoại
市税全般について Tổng quát về thuế thành phố	税制課 Phòng thuế	028-632-2184
市民税・県民税について Về thuế thị dân, thuế dân tỉnh	市民税課 Phòng thuế thị dân	028-632-2203
国民健康保険税について Về thuế bảo hiểm sức khỏe quốc dân	保険年金課 Phòng bảo hiểm lương hưu	028-632-2320
軽自動車税について Về thuế xe cơ giới hạng nhẹ	宇都宮市役所 Toà thị chính Utsunomiya	028-632-2205
固定資産税について Về thuế tài sản cố định	資産税課 Phòng thuế tài sản	028-632-2243
納税について Về việc nộp thuế	納税課 Phòng nộp thuế	028-632-2194
市税の証明書について Về giấy chứng nhận thuế thành phố	税制課 Phòng thuế	028-632-2187
県税（自動車税など）について Về thuế tỉnh như thuế xe cơ giới	栃木県庁 UBND tỉnh Tochigi	028-626-3003
国税（所得税など）について Về thuế quốc gia như thuế thu nhập	税務署 Văn phòng thuế	028-621-2151

（注意） 上記の問い合わせ先は日本語による対応のみとなっております。日本語が分からない場合は、外国人のための総合相談を開設しているので、利用してください。

（ CHÚ Ý ） Các địa chỉ trên chỉ sử dụng tiếng Nhật. Trường hợp không hiểu tiếng Nhật, vui lòng sử dụng tổng đài hỗ trợ tổng hợp bằng 5 thứ tiếng được lập riêng cho người nước ngoài theo giờ quy định.

		スペイン語 ポルトガル語 Tiếng Tây Ban Nha Tiếng Bồ Đào Nha	中国語 Tiếng Trung Quốc	タイ語 Tiếng Thái	英語 Tiếng Anh	ベトナム語 Tiếng Việt
国際交流プラザ Trung tâm giao lưu quốc tế 028-616-1564	15 : 00 ~18 : 00	月 Thứ hai	火 Thứ ba	水 Thứ tư	金 Thứ sáu	第1, 3月 Thứ 2 tuần 1, 3
	第4日曜日（予約制） Chủ nhật thứ 4 của tháng (cần hẹn trước)					
市役所市民相談 コーナー（2階） Cửa tư vấn thị dân Tầng 2 Toà thị chính 028-632-2834	9 : 00 ~12 : 00	木 Thứ năm	第2木 Thứ năm tuần thứ 2		第1木 Thứ năm tuần thứ 1	
	14 : 00 ~17 : 00	木 Thứ năm		第1木 Thứ năm tuần thứ 1	第3木 Thứ năm tuần thứ 3	第2木 Thứ năm tuần thứ 2

memo